



THIÊN NHIÊN TRONG “NỤ TÂM XUÂN” – THƠ LƯƠNG MINH CỪ

Lê Ánh Hồng^{1*}, Nguyễn Hồng Viên²

¹THCS THPT Hiếu Nhơn, Xã Hiếu Thành, Vĩnh Long

²Văn phòng đại diện trường Đại học Cửu Long tại Cần Thơ

*Email: leanhhong.ct@gmail.com

Ngày nhận bài: 01/07/2025; Ngày phản biện: 05/08/2025; Ngày duyệt bài: 27/01/2025

TÓM TẮT

Bài viết tập trung phân tích vai trò của thiên nhiên trong thơ Lương Minh Cừ, đặc biệt qua tập *Nụ tâm xuân*. Thiên nhiên hiện lên không chỉ như bối cảnh mà còn là không gian trữ tình, nơi gửi gắm nỗi nhớ quê hương, tình người và kỷ ức chiến tranh. Với giọng thơ mộc mạc, trầm lắng, nhà thơ đã khắc họa thiên nhiên gần gũi, đời thường nhưng giàu chất thơ và triết lý sống. Các hình ảnh như dòng sông, lúa khoai, rừng Trường Sơn đều gắn bó mật thiết với con người, gợi mở chiều sâu tâm trạng. Thiên nhiên trong thơ ông không tách rời đời sống mà trở thành một phần linh hồn dân tộc. Qua đó, bài viết khẳng định nét phong cách riêng của Lương Minh Cừ: dung dị, nhân hậu và sâu sắc.

Từ khóa: Thiên nhiên, không gian trữ tình, triết lý, phong cách.

ABSTRACT

The research focuses on analyzing the role of nature in Luong Minh Cu's poetry, especially through the book *Nu Tam Xuan*. Nature appears not only as a context but also as a lyrical space, a place of nostalgia for the homeland, humanity and memories of war. With a rustic and quiet poetic voice, the poet has portrayed close nature, ordinary life but rich in poetry and philosophy of life. Images such as the river, potato rice, Truong Son forest are all closely connected with people, suggesting the depth of mood. The nature in his poetry is not separate from life but becomes a part of the national soul. Thereby, the article affirms Luong Minh Cu's own style: simple, kind and profound.

Keywords: Nature, lyrical space, philosophy, style.



1. Dẫn nhập

Tập thơ *Nụ Tầm Xuân* là một kết tinh nghệ thuật của Lương Minh Cừ, nơi độc giả dễ dàng bắt gặp sự hiện diện của thiên nhiên một cách tinh tế và sâu sắc. Thiên nhiên trong thơ ông không chỉ là phong nền cho cảm xúc, mà còn là đối tượng chiêm nghiệm, là biểu tượng mang tính triết lý, chứa đựng tư tưởng thẩm mỹ và nhân sinh quan riêng biệt. Bài viết này tìm hiểu hình ảnh thiên nhiên trong thơ Lương Minh Cừ qua tập *Nụ Tầm Xuân* – để từ đó cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn của một thi sĩ sống chan hòa với đất trời, sống sâu với chính mình.

Năm 1970, theo tiếng gọi của non sông, người trai làng Đông tạm gác bút nghiên, lên đường nhập ngũ và nhiều năm có mặt trên các chiến trường Bắc – Nam. Tuy sinh ra tại vùng đồng bằng Bắc Bộ, nhưng Lương Minh Cừ lại gắn bó phần lớn cuộc đời và sự nghiệp của mình với miền Nam ruột thịt. Những năm tháng dấn thân nơi mặt trận và trong đời sống quân ngũ đã hun đúc trong ông một tâm hồn sâu lắng, giàu trắc ẩn và thâm trầm tình người.

Có lẽ suốt cuộc đời, nhà thơ – nhà giáo Lương Minh Cừ luôn lựa chọn con đường cống hiến trí tuệ và tuổi xuân cho đất nước, cho cuộc đời; từ những trải nghiệm sâu sắc cùng rung cảm chân thành ấy, đã đưa vào sáng tác. Thơ ông mang đậm chất trữ tình, dung dị mà tinh tế, thể hiện sự gắn bó sâu sắc giữa con người với thiên nhiên, với quê hương đất nước, cùng những ký ức về một thời khói lửa. Với ngôn ngữ mộc mạc mà tinh tế, giàu chất suy tưởng, thơ Lương Minh Cừ đã chạm đến những giá trị nhân văn bền vững. Đặc biệt trong *Nụ Tầm Xuân*, ông thể hiện rõ phong cách thơ tinh tế, giàu cảm xúc và mang đậm chiều sâu triết lý.

2. Thiên nhiên – Không gian trữ tình và gợi cảm xúc thẩm mỹ

Là một người thầy và cũng là một thi sĩ, Lương Minh Cừ đã dung hòa giữa tư duy của người cầm phấn với cảm xúc nghệ sĩ của người làm thơ. Chính sự kết hợp đó đã tạo nên chiều sâu và sự tinh tế trong thơ ông, giúp tiếng thơ Lương Minh Cừ trở nên vừa

gần gũi vừa độc đáo trong dòng chảy thi ca đương đại Việt Nam.

Một trong những biểu hiện nổi bật nhất của thiên nhiên trong thơ Lương Minh Cừ là vai trò tạo dựng không gian trữ tình. Thiên nhiên trong thơ ông không phô trương, kỳ vĩ mà là những cảnh vật dung dị, đời thường: mùa xuân, hoàng hôn, chiều sương, trời đêm, hoa mai rừng, bông bưởi,... Những hình ảnh ấy không chỉ hiện ra bằng thị giác mà còn bằng cảm giác, bằng âm thanh và tâm trạng của chủ thể trữ tình. Trong bài thơ mở đầu tập *Nụ Tầm Xuân*, tác giả viết:

*“Hoa mai rừng mang lửa
Dẫn lối vào mùa xuân
Nghe đất trời chuyển động
Chiến trường xa, đã gần...”*

(Giai điệu mùa xuân)

Chỉ với vài hình ảnh, người đọc đã có thể cảm nhận được một không gian mệnh mang, dịu dàng của thiên nhiên núi rừng. Hình ảnh “hoa mai rừng” không chỉ gợi vẻ đẹp của thiên nhiên nơi chiến khu mà còn mang ý nghĩa biểu tượng “mang lửa” – ánh sáng, niềm tin, ý chí cách mạng như một ngọn đuốc soi đường. Mùa xuân ở đây không chỉ là mùa của đất trời, của vũ trụ bao la, mà còn là biểu tượng của hy vọng, hòa bình và tương lai.

Động từ “dẫn lối” – một cách nói rất thơ – vừa gợi cảm giác nhẹ nhàng của không gian và thời gian, vừa gợi cảm thức lịch sử đang chuyển mình. Đặc biệt, câu “Chiến trường xa, đã gần...” gói trọn cảm xúc và lý tưởng: khoảng cách giữa lý tưởng và hiện thực đang dần được thu hẹp, ngày chiến thắng đang đến gần. Cả khổ thơ là sự cộng hưởng giữa thiên nhiên, lòng người và vận mệnh đất nước – một cách thể hiện rất riêng của Lương Minh Cừ: giản dị mà sâu xa, trữ tình hòa quyện cùng khí phách.

Không chỉ là không gian để cảm xúc bật lên, thiên nhiên trong thơ ông còn là chất liệu thẩm mỹ nuôi dưỡng sự rung cảm. Mỗi bông hoa nở, mỗi làn sương mỏng đều như có linh hồn. Cái đẹp trong thơ ông là vẻ đẹp của sự lặng lẽ, khiêm nhường, nhưng ẩn chứa chiều sâu lý tưởng và nhân văn sâu sắc.



*“Sương chiều bay xôn xao
Trong hoàng hôn tím biếc
Lăn vai tròn quai súng
Con đường thành thân quen”*

(Nụ cười con đường)

Trong Nụ cười con đường, bức tranh thiên nhiên hiện lên mang đậm chất trữ tình, đồng thời gợi mở chiều sâu cảm xúc thẩm mỹ thông qua sự hòa quyện giữa cảnh vật và con người. “Sương chiều bay xôn xao” tạo nên một không gian mờ ảo, đầy rung cảm. Từ láy “xôn xao” thường dùng để miêu tả âm thanh, nhưng ở đây lại được dùng cho “sương” – một cách diễn tả tinh tế, khiến “sương” không còn là yếu tố tĩnh lặng mà trở nên sống động, như mang theo hơi thở đất trời và nhịp đập của lòng người.

Không gian tiếp nối với “hoàng hôn tím biếc” – một gam màu trữ tình, nhuốm buồn, gợi vẻ đẹp vừa mộng mơ vừa man mác, như chạm đến chiều sâu tâm hồn người lính trong hành quân. Hai hình ảnh thơ – vừa động vừa tĩnh – hòa quyện như một khúc hành ca luôn vang vọng nơi chiến địa. Chúng vừa thúc tỉnh thần, nung nấu ý chí chiến đấu, vừa là nốt lặng cho những nỗi đau, những mất mát giữa chiến trường khốc liệt – nơi ranh giới giữa sự sống và cái chết thật mong manh.

Sự xuất hiện của con người trong hai câu:

*“Lăn vai tròn quai súng
Con đường thành thân quen”*

(Nụ cười con đường)

Càng làm nổi bật mối giao cảm giữa người và cảnh. Hình ảnh “lăn vai tròn quai súng” không chỉ miêu tả dáng hình người lính khỏe mạnh mà còn hàm chứa sức sống kiên cường. Câu “Con đường thành thân quen” kết tinh thời gian, gắn bó và cảm xúc: con đường hành quân gian khổ dần trở thành không gian thiêng liêng, nơi lưu giữ mồ hôi, bước chân, niềm tin và khát vọng của người chiến sĩ.

Trong bài thơ Nụ Tầm Xuân, nhà thơ khắc họa hình ảnh thiên nhiên nhẹ nhàng, tinh tế và giàu ý nghĩa biểu tượng. “Nụ tầm xuân” không chỉ là một loài hoa bé nhỏ, mong manh mà còn là hiện thân của cái đẹp thuần khiết – của tuổi trẻ, tình yêu và những ký ức

không thể phai mờ:

*“Nụ tầm xuân,
chùm chim rỗi,
Anh đi
cuối đất cùng trời...
ung dung”*

(Nụ tầm xuân)

Giữa khung cảnh chiến tranh, hình ảnh “nụ tầm xuân” hiện lên như một nốt lặng dịu dàng, đối lập với dữ dội thời cuộc, làm vẻ đẹp thiên nhiên càng thêm quý giá. Thiên nhiên không chỉ để ngắm nhìn, mà còn lưu giữ tình cảm, gợi nhớ thời yêu thương, tuổi thơ xa xăm. Mưa xuân, hương nhài, nụ hoa mai – tất cả gợi cảm, thấm đẫm nỗi nhớ và niềm tiếc nuối.

Song song với thiên nhiên là hình ảnh con người: “Anh đi cuối đất cùng trời ung dung”. Hình ảnh mở rộng không gian đến tận cùng địa lý, đồng thời thể hiện tâm thế bình thản, tự tại trước thử thách – như thể giữa mênh mông vẫn giữ được cốt cách. Nhưng ẩn sau vẻ “ung dung” ấy là một dự cảm bất trắc: “Chiến trường ai hẹn chắc mong”

Câu thơ đặt con người giữa hai cực của số phận – lý tưởng và bất định. Trong bối cảnh ấy, “nụ tầm xuân” lại trở về: “...sắc vẫn hồng, mai mai”

Biểu tượng cho vẻ đẹp vĩnh cửu – mong manh nhưng kiên cường, như người con gái nơi hậu phương, như lời hứa thắm lặng về tình yêu nguyên vẹn bất chấp thời gian và chiến tranh.

Sự đan cài giữa thiên nhiên và con người là sự hòa điệu tinh tế: thiên nhiên không còn là phong nền, mà là tấm gương phản chiếu nội tâm, là biểu tượng sống động của vẻ đẹp, tình yêu và cả nỗi mong manh phận người. Còn con người trong thơ – dù chia xa, mất mát – vẫn giữ được vẻ điềm tĩnh, niềm tin và tình yêu lặng thầm.

*“Mưa xuân
Thoang thoảng hương nhài
Nụ tầm xuân, biết tìm ai,
bây giờ?”*

(Nụ tầm xuân)

Và cuối cùng:



*“Chân trời xa lắc, tuổi thơ
Nụ tâm xuân, có còn chờ
người không?”*

(Nụ tâm xuân)

Hình ảnh “chân trời xa lắc” gợi cảm giác xa xăm, mênh mông – nơi tuổi thơ chỉ còn là bóng mờ ký ức. “Nụ tâm xuân” – mong manh, dịu dàng – không chỉ là biểu tượng cho khởi đầu đẹp đẽ mà còn hàm chứa niềm hy vọng và sự chờ đợi. Câu kết như một lời tự vấn – ngân lên tiếng lòng băng khuâng, tiếc nuối: liệu những điều đẹp đẽ ấy còn đợi ta?

Theo thiên ý của người viết, thiên nhiên trong thơ Lương Minh Cừ không chỉ là bối cảnh, mà là không gian thẩm mỹ, nâng đỡ và phản chiếu cảm xúc con người. Chính sự giao hòa ấy đã tạo nên một không gian thơ đậm chất trữ tình, sâu sắc nhân văn và chạm đến những giá trị bền vững. Đó là tiếng lòng của một nhà thơ – người chiến sĩ trong thời bình lửa, và người thầy âm thầm cống hiến trong thời bình, khi nền trời Tổ quốc đã rạng ngời tự do, độc lập.

3. Thiên nhiên, hoài niệm và vòng quay thời gian

Thơ Lương Minh Cừ mang đậm chất hoài cổ – không phải theo nghĩa phục cổ, mà là một nỗi nhớ khôn nguôi về những gì trong trẻo, hồn hậu của quá khứ. Thiên nhiên là nơi ông gửi gắm cảm thức ấy.

Thời gian trong thơ ông không mang tính tuyến tính mà đậm chất chu kỳ: xuân – hạ – thu – đông, là vòng tuần hoàn của tạo hóa. Thiên nhiên vận động trong một vòng quay bất tận, còn đời người thì hữu hạn. Vì thế, sự gắn bó với thiên nhiên cũng chính là cách để thi nhân giải bày, để trải lòng:

*“Ai lên Tây Tiến mùa xuân ấy
Mường Lát hoa mơ, nở trắng rừng
Chiều mờ sương khói, miền biên ải
Quân về rung động đất Pha Luông”*

(Ai lên Tây Tiến)

Với Ai lên Tây Tiến, thiên nhiên không chỉ là phong nền cho hành trình của người lính mà còn là biểu tượng của cảm thức hoài cổ và vòng quay bất tận của thời gian. Những hình ảnh như “Mường Lát hoa mơ”, “chiều

mờ sương khói”, “miền biên ải” hiện lên đầy thơ mộng và nhuốm màu ký ức. Thiên nhiên Tây Bắc trong thơ ông không đơn thuần là cảnh sắc, mà trở thành một nhân vật sống động, gợi nhớ về một mùa xuân đã qua – mùa xuân của tuổi trẻ, của những năm tháng kháng chiến gian khổ mà hào hùng.

Những năm tháng của mưa bom lửa đạn len lỏi trong từng câu chữ, khơi dậy một nỗi nhớ day dứt về quá khứ – nơi thiên nhiên và con người từng hòa làm một. “Hoa mơ nở trắng rừng” là biểu tượng của sự sống, của vẻ đẹp thuần khiết, gợi cảm giác về một mùa xuân xưa cũ – đã lùi xa mà vẫn vẹn nguyên trong tâm tưởng. Sự mờ ảo của “chiều mờ sương khói” và cái xa xôi, hiem trở của “miền biên ải” càng tô đậm sắc thái trữ tình, như dẫn người đọc bước vào một miền ký ức mộng mơ.

Trước hình ảnh ấy, người đọc không khỏi liên tưởng đến “hoa mơ” trong bài thơ Việt Bắc của Tố Hữu:

*“Ngày xuân mơ nở trắng rừng
Nhớ người đan nón chốt từng sợi dăng”*
(Việt Bắc – Tố Hữu)

Vẫn là hình ảnh hoa “mơ nở trắng rừng”, nhưng ở mỗi nhà thơ lại mang một sắc thái cảm xúc và phong cách riêng biệt. Ở Tố Hữu, hoa mơ là biểu tượng của sức sống, của niềm tin và lý tưởng cách mạng – mùa xuân của thiên nhiên cũng là mùa xuân của đất nước, của lòng người. Câu thơ mang chất lãng mạn, bay bổng, gieo vào lòng người đọc niềm hân hoan, lạc quan.

Trong khi đó, ở Lương Minh Cừ, hình ảnh “hoa mơ” lại mang sắc thái trầm lắng hơn, gợi một khung cảnh cụ thể – Mường Lát – với “hoa mơ nở trắng rừng” như một sự kiện nhỏ bé nhưng đầy thi vị. Câu thơ giản dị, không tô vẽ cầu kỳ, nhưng chính sự mộc mạc ấy lại làm nổi bật vẻ đẹp bình dị, gần gũi với đời thường – đúng với phong cách thơ ông: gần đất, gần người, giàu cảm xúc nội tâm. Nếu Việt Bắc để lại ấn tượng bằng vẻ đẹp của thiên nhiên được lý tưởng hóa, thì Ai lên Tây Tiến lại lay động người đọc bởi vẻ đẹp chân thực và lặng thầm của một vùng đất biên viễn.

Đặc biệt, hình ảnh “quân về rung động



đất Pha Luông” vang lên với âm hưởng hùng tráng như một tiếng vọng từ quá khứ, khẳng định sự hiện diện mạnh mẽ của con người trong thiên nhiên. Vòng quay thời gian – từ mùa xuân “năm ấy” đến khoảnh khắc “quân về” – khép lại trong sự hòa quyện giữa cái đẹp mong manh của thiên nhiên và sự bất tử của ký ức người lính. Tất cả tạo nên một không gian hoài niệm đầy xúc cảm – nơi thiên nhiên không chỉ đẹp, mà còn là nơi lưu giữ tâm hồn, lý tưởng và thời gian đã qua.

Thời gian trôi qua không trở lại. Có lẽ chính vì lẽ ấy mà những hoài niệm của người chiến sĩ – nhà thơ Lương Minh Cừ vẫn mãi vọng về. *Rừng tre An Phú* là sự kết hợp hài hòa giữa ký ức, xúc cảm chân thành, giọng điệu mộc mạc và những hình ảnh biểu tượng giàu sức gợi. Từ đó, bài thơ mở ra một không gian thiên nhiên vừa cụ thể vừa thấm đẫm chất thơ và giàu sức gợi.

Từ lâu, tre đã hiện lên như một phần thân thuộc của làng quê Việt Nam – loài cây mộc mạc, giản dị, gắn bó với đời sống nông thôn từ bao đời. Trong *Rừng tre An Phú*, nhà thơ viết:

*“Gọi là rừng, chưa đúng nghĩa lắm đâu,
Nhưng vẫn gọi là rừng, vì ở đây có nhiều tre lắm.
Quen kháng chiến rồi, tre xanh thăm thẳm
Như đất quê mình vạn nẻo đường xa”.*

(Rừng tre An Phú)

Không phải ngẫu nhiên mà nhà thơ nhấn mạnh: “có nhiều tre lắm.” Câu nói ấy không chỉ là sự quan sát đơn thuần, mà là sự nhận diện một không gian đã trở nên gần gũi, thân thuộc – bởi trong tâm tưởng người chiến sĩ kháng chiến, hình ảnh tre chính là hình ảnh của quê hương.

Hình ảnh tre từng xuất hiện trong bài thơ Tre của Nguyễn Duy và gắn liền trong tâm trí độc giả; thế nhưng “tre” trong thơ Lương Minh Cừ lại là một cách tân hoàn toàn mới mẻ và khác lạ. Ông đã đem đến một cách nhìn mới, một cảm nhận mới, thổi một làn gió mới vào một hình ảnh tưởng chừng đã quá quen thuộc, khó thay đổi. Giữa khói lửa chiến tranh, tre không còn là cây cối vô tri mà trở thành chốn tựa tinh thần, là hình ảnh kết tinh ký ức và tình yêu quê nhà. “Tre xanh thăm thẳm” không chỉ

diễn tả chiều sâu không gian hay sắc màu, mà còn biểu đạt chiều sâu cảm xúc – một cảm xúc thăm sâu, dai dẳng. Tre trở thành biểu tượng cho sự bền bỉ, dẻo dai, kiên cường – như chính con người Việt Nam trong kháng chiến: vững vàng mà vẫn đầy sức sống.

Sự so sánh “như đất quê mình” càng khiến hình ảnh tre thêm phần thiêng liêng. Tre không chỉ là cây rừng mà là một phần của đất – của quê hương, của cội nguồn – nơi nâng đỡ và gìn giữ tâm hồn người lính giữa muôn “nẻo đường xa.” Đặc biệt, tre trong thơ ông không chỉ là một thực thể tự nhiên mà còn là biểu tượng văn hóa và cảm xúc – tượng trưng cho quê hương, cho tinh thần bền gan vững chí của con người Việt trong kháng chiến. Đồng thời, tre cũng là nơi neo giữ ký ức và là niềm tin vững chãi trên hành trình ra trận của người lính cụ Hồ.

Qua đó, người đọc có thể nhận ra phong cách thơ đặc trưng của Lương Minh Cừ: mộc mạc mà sâu sắc, giản dị mà đầy hàm ý. Thiên nhiên không chỉ là chất liệu nghệ thuật mà là điểm tựa để ông bộc lộ tình người, tình quê, tình đất nước.

Có thể nói, mảnh đất Thái Bình thân thương cùng với bao kỷ niệm tuổi thơ đã vun đắp nên những ước mơ, khát vọng cho người trai trẻ làng Đông năm ấy. Vì vậy, thiên nhiên trong thơ Lương Minh Cừ luôn gắn với không gian làng quê – nơi lưu giữ truyền thống và bản sắc dân tộc: dòng sông, bờ đê, ruộng lúa, bắp ngô, khoai, tre, cây khế,... Những biểu tượng ấy xuất hiện xuyên suốt trong thơ ông như một cội trú ẩn của tâm hồn – nơi nhà thơ gửi gắm nỗi nhớ quê, tình yêu đất nước và cả bản ngã thi sĩ của mình.

Có lẽ, nhà thơ đã mượn hình ảnh thiên nhiên để bộc lộ nỗi nhớ quê thăm lặng mà chan chứa tình người. Với ông, giữa muôn vàn nỗi nhớ, thì nhớ nhất vẫn là nỗi nhớ quê hương – nơi lưu giữ những điều bình dị nhất:

*“Nhà tôi ở giữa làng Đông
Cách nhà em một dòng sông, sang Đồi
Quê nghèo, chỉ có lúa, khoai
Em ngày thơ, nhật nắng ngoài sân phơi”*

(Bây giờ... bắt chợt)



Thiên nhiên trong bài thơ không lộng lẫy hay kỳ vĩ mà đậm chất đời thường, mang dáng dấp một vùng quê nghèo, giản dị mà chân thành, thấm đậm tình người. Có thể thấy, thiên nhiên trong thơ Lương Minh Cừ không tách rời con người, mà gắn bó mật thiết với đời sống, lao động và ký ức làng quê.

Dòng sông – hình ảnh duy nhất mang yếu tố không gian tự nhiên rõ nét – tuy không được miêu tả chi tiết nhưng lại trở thành ranh giới chia cách hai làng, hai con người, hai miền ký ức. Dòng sông ấy vừa thực vừa mộng, không chỉ là yếu tố cảnh quan mà còn là biểu tượng cho một khoảng cách mơ hồ, gọi nên chất trữ tình sâu lắng.

Thiên nhiên còn được gọi lên gián tiếp qua hình ảnh “lúa, khoai” – những sản vật đồng ruộng thân quen. Không cần những cánh đồng bát ngát hay ánh nắng chói chang, chỉ bằng hai từ “lúa, khoai”, người đọc đã có thể hình dung ra cả không gian nông thôn: gió nồm nhẹ thoảng, mùi đất ẩm, hương lúa mới và nhịp sống chậm rãi. Chính sự tối giản trong miêu tả đã tạo nên vẻ đẹp thơ mộng, chân chất của đời sống quê.

Đặc biệt, hành động “nhặt nắng ngoài sân phơi” là một điểm nhấn giàu chất tạo hình. “Nắng” không chỉ là ánh sáng mà còn là thời gian, là sự sống; còn “sân phơi” là không gian sinh hoạt quen thuộc của làng quê – nơi phơi lúa, phơi rơm, ... Hành động “nhặt nắng” mang tính biểu tượng: nó không chỉ thi vị hóa lao động mà còn là cách nhà thơ gắn thiên nhiên với tâm hồn con người – một tâm hồn ngây thơ, trong sáng, nhẹ nhàng như chính ánh nắng quê nhà. Thiên nhiên hiện lên bằng những hình ảnh nhỏ bé, đời thường, nhưng chính sự bình dị ấy đã khơi gợi nên một không gian quê đậm chất văn hóa và cảm xúc, nơi thiên nhiên trở thành một phần không thể thiếu của ký ức và tình người.

Trong thơ ca kháng chiến, thiên nhiên thường xuất hiện như một không gian gắn bó với đời sống gian khổ, nơi con người hòa mình vào núi rừng để tồn tại và chiến đấu. *Gửi em cô bộ đội Trường Sơn*, thiên nhiên không chỉ là bối cảnh thực mà còn là trường

cảm xúc, là nơi gắn liền với hình bóng con người – đặc biệt là hình tượng người em gái Trường Sơn:

“Vào giờ này, em đang ở đâu?”

Rừng Trường Sơn độ rầy đương lạnh.

Đã cuối thu, chớm đầu mùa nắng,

Khoảng giao thời, dễ sốt lắm, ghen em.

Anh đã từng đi qua Trường Sơn,

Bom nổ, bụi bay, những năm đánh Mỹ.

Nên anh hiểu tâm hồn chiến sĩ,

Cứ dài theo những khoảng rừng liền.”

(Gửi em cô bộ đội Trường Sơn)

Khắc liệt, nghiêm ngặt trên từng chiến địa, thiên nhiên hiện lên như một lớp phong nền giàu cảm xúc, bao trùm không gian Trường Sơn bằng sự lạnh lẽo, mơ hồ và bất an. Sự chuyển mùa từ “cuối thu” sang “chớm đầu mùa nắng” không chỉ là biểu hiện vận động của tự nhiên, mà còn là ẩn dụ cho trạng thái tâm lý người lính – một nỗi lo lắng mong manh, một khắc khoải chờ đợi.

Câu hỏi “Giờ này em đang ở đâu?” vang lên như một tiếng gọi từ ký ức, khiến thiên nhiên trở thành một không gian sống động của nỗi nhớ. Câu thơ: “Khoảng giao thời trời dễ sốt lắm ghen em” chứa đựng liên tưởng vừa lạ vừa sâu: “dễ sốt” có thể hiểu là cảm giác bệnh lý khi giao mùa, nhưng cũng là “con sốt” của nỗi nhớ dâng lên bất chợt. Thiên nhiên trong thơ như có linh hồn, như thấu hiểu và đồng cảm với trạng thái tinh thần của con người.

Thiên nhiên Trường Sơn được tái hiện trong khung cảnh dữ dội của chiến tranh: “bom nổ, bụi bay” – những hình ảnh hiện thực khốc liệt. Nhưng điều quan trọng là: thiên nhiên không chỉ là bối cảnh, mà là nơi phản chiếu tâm hồn: “Nên anh hiểu tâm hồn chiến sĩ”. Không gian thiên nhiên hòa quyện với đời sống nội tâm con người, là nơi nuôi dưỡng phẩm chất chiến sĩ – bền bỉ, chịu đựng, lặng lẽ.

Thiên nhiên trong thơ không đứng ngoài cuộc chiến, mà là chứng nhân của lịch sử, là nơi lưu giữ ký ức, là cầu nối giữa hiện tại và quá khứ. Chính nó góp phần chuyển hóa nỗi nhớ thành hình tượng nghệ thuật – giúp nhà thơ gọi tình mà không nói thẳng, thể hiện một mối tình lặng thầm, sâu sắc giữa người

lính và cô gái Trường Sơn, giữa con người và miền ký ức. Hình ảnh rừng – không chỉ là nơi người lính đi qua – mà là một phần của hành trình tinh thần, là biểu tượng cho sự sống, cho tình yêu, cho ký ức bất diệt. “Cái dài” của rừng là cái “dài” của lòng trung hậu; “cái liền” của rừng là cái “liền” của mạch sống kháng chiến và hòa bình.

Nếu rừng Trường Sơn trong thơ Lương Minh Cừ mang tính trữ tình, gắn liền với cảm xúc cá nhân và hồi tưởng, thì thiên nhiên trong bài *Lá đỏ* của Nguyễn Đình Thi lại mang màu sắc sử thi, là biểu tượng cho lý tưởng cách mạng và tinh thần bất tử:

“Gặp em trên cao lộng gió
Rừng lạ ào ào lá đỏ”

(*Lá đỏ* – Nguyễn Đình Thi)

“Cao lộng gió” mở ra không gian hùng vĩ, khoáng đạt – không gian của lý tưởng. “Rừng lạ ào ào lá đỏ” là hình ảnh giàu tính biểu tượng: màu đỏ không chỉ là màu thu mà còn là máu, là lý tưởng, là sự hy sinh. “Lá đỏ” trở thành biểu tượng cách mạng – vừa dữ dội, vừa thiêng liêng. Thiên nhiên không còn là khung nền mà là bạn đồng hành, là tấm gương phản chiếu tinh thần chiến sĩ.

Qua đối sánh giữa hai tác phẩm *Gửi em cô bộ đội Trường Sơn* của Lương Minh Cừ và *Lá đỏ* của Nguyễn Đình Thi, có thể thấy: thiên nhiên trong thơ kháng chiến không đơn thuần là bối cảnh, mà là không gian nghệ thuật mang chiều sâu biểu cảm và tư tưởng. Nếu Lương Minh Cừ khai thác chất trữ tình sâu lắng, gửi gắm tình người, thì Nguyễn Đình Thi lại khắc họa khí phách anh hùng, làm sáng lên vẻ đẹp sử thi của người lính.

Qua đó, người đọc càng cảm nhận rõ phong cách thơ văn đặc trưng của Lương Minh Cừ – mộc mạc mà sâu sắc, lấy thiên nhiên làm điểm tựa để thể hiện tình người, tình quê hương và tâm hồn của một thế hệ kháng chiến.

4. Thiên nhiên như đối tượng chiêm nghiệm – gợi triết lý sống

Trong thơ Lương Minh Cừ, thiên nhiên không chỉ là cảnh vật để ngắm nhìn hay cảm nhận bằng giác quan, mà còn là đối tượng để chiêm nghiệm, để suy ngẫm về thân phận

con người, dòng chảy thời gian và ý nghĩa cuộc sống. Thiên nhiên hiện lên không ồn ào, lộng lẫy, mà thường rất đỗi bình dị: mặt trời, vầng trăng, dòng sông, con nước, buổi sớm mai, ánh nắng... Chính sự bình dị ấy lại mang trong mình vẻ đẹp vĩnh hằng, làm nền cho những suy tư thâm lặng nhưng sâu xa của đời người.

Qua thiên nhiên, nhà thơ hướng đến những triết lý sống gần gũi mà thâm thúy. Đó là bài học về sự nhẫn nại và kiên cường qua hình ảnh tre xanh: “quen kháng chiến rồi, tre xanh thăm thẳm như đất quê mình” – biểu tượng cho sức sống bền bỉ, cho phẩm chất dẻo dai của con người Việt trong gian khó. Đó cũng là sự thấu hiểu về vòng quay thời gian khi “hoa mơ nở trắng rừng”, gợi nhớ một mùa xuân cũ, một thời đã xa – từ đó, gợi lên triết lý về sự vô thường và giá trị của ký ức. Và đôi khi, chỉ từ một buổi chiều “mơ sương khói”, nhà thơ đã cảm nhận được sự mong manh của hiện tại, khiến con người phải biết trân trọng từng khoảnh khắc bình yên.

Thiên nhiên trong thơ ông cũng gắn liền với cảm thức về cội nguồn – nơi con người tìm về để lắng lòng, để soi chiếu lại chính mình. Những hình ảnh như “con đường đất đỏ”, “một chiều đông” hay “đồng lúa đương ngậm sữa” không chỉ gợi không gian quê hương mà còn là nơi neo giữ tâm hồn, nhắc nhở con người sống chậm lại, sống có tình, có nghĩa, giữ lấy những điều chân phương nhất giữa một thế giới đổi thay.

Có thể nói, thiên nhiên trong thơ Lương Minh Cừ là tấm gương phản chiếu đời sống nội tâm của con người, là người bạn đồng hành âm thầm trong những khoảnh khắc cô đơn, trăn trở. Ở đó, thiên nhiên mang tính biểu tượng, gợi cảm xúc, gợi ký ức, nhưng đồng thời cũng gợi mở những suy tư triết lý mang đậm màu sắc nhân văn. Đây chính là chiều sâu tư tưởng, là vẻ đẹp lặng thầm mà bền vững trong thế giới thi ca của ông.

“Anh bảo xứ Đoài mây trắng lắm

Khí thiêng ngàn tụ đất Sơn Tây?

Đâu nữa một trời hoa sim tím

Ngoảnh lại thời gian, nắng đã dày?”

(*Có một xứ Đoài*)



Trong bài thơ Có một xứ Đoài, khổ thơ mở đầu vang lên bằng lời thì thầm của “anh” – một giọng nói thân quen, gần gũi, chất chứa nhiều xúc cảm và kỷ niệm. Thiên nhiên xứ Đoài gắn liền với miền ký ức, nơi đất trời như lắng lại giữa tầng mây bàng lãng. Có lẽ, “mây trắng” không chỉ là hiện tượng tự nhiên mà còn là biểu tượng cho sự tĩnh khôi, thanh thản, cho cái đẹp phiêu du, không nắm bắt được – giống như những kỷ niệm đã xa, những điều không thể quay lại. Cụm từ “khí thiêng ngàn tự” vừa mang âm hưởng linh thiêng, hào hùng, vừa thể hiện sự hội tụ của linh hồn sông núi, của truyền thống và lịch sử. Qua đó, gợi cho người đọc sự thành kính với đất trời, đồng thời khẳng định sự bất tử của những giá trị quê hương – nơi từng nuôi dưỡng bao thế hệ anh hùng, bao tấm lòng yêu nước.

Thiên nhiên trong Có một xứ Đoài còn là sự giao thoa giữa ngoại cảnh và cảm xúc, giữa không gian thực tại và không gian ký ức. Thiên nhiên trong thơ không tĩnh tại, mà chan chứa hồn người, trở thành đối tượng chiêm nghiệm – nơi người viết gửi gắm nỗi nhớ, niềm tiếc nuối và cả những suy tư về thời gian, về quá khứ đã không thể trở lại. Đó cũng chính là vẻ đẹp trữ tình sâu lắng và đầy nhân văn trong hồn thơ Việt.

Câu thơ: “Ngoảnh lại, thời gian nặng đã đầy” gây ấn tượng mạnh. Hành động “ngoảnh lại” gợi cảm giác lặng lẽ, chậm rãi, như một cái quay đầu đầy trầm tư, luyến tiếc sau bao năm tháng. Đó có thể là cái ngoảnh lại của người lính sau chiến tranh, của một con người sau hành trình dài, hay đơn giản là của một tâm hồn từng trải đang chiêm nghiệm về đời sống. Hình ảnh “thời gian nặng đã đầy” là một cách diễn đạt độc đáo, mới mẻ và đầy chất thơ. Nó không còn là ánh sáng đơn thuần, mà trở thành biểu tượng cho ký ức, cho những tháng năm máu lửa đã đi qua và những gì còn sót lại. Ánh nắng ấy đã không còn mong manh, mỏng nhẹ như buổi ban đầu, mà đã lắng lại, đậm hơn, thắm hơn – như chính con người sau bao biến thiên của cuộc đời. Câu thơ, vì thế, là biểu hiện của cảm thức thời gian mang tính triết lý: thời gian không trôi

qua một cách vô hình, mà để lại dấu vết, bồi đắp nên chiều sâu ký ức và cảm xúc. Nó như một lớp ánh sáng ấm áp, đôi khi chói chang, đôi khi mờ nhòe – nhưng luôn hiện diện, không thể xóa nhòa khỏi tâm trí người đang ngoảnh lại. Ánh nắng – đã được nhà thơ nội tâm hóa – trở thành đối tượng chiêm nghiệm, góp phần làm nổi bật chủ đề ký ức, thời gian và con người từng trải. Đây là biểu hiện rõ nét cho thấy sự hòa quyện giữa cảm xúc trữ tình và chiều sâu triết lý trong thơ ca hiện đại.

5. Kết luận

Có thể nói, tập thơ Nụ tầm xuân của Lương Minh Cừ là một minh chứng rõ nét cho lối thơ trầm lắng, giàu chiều sâu cảm xúc và suy tưởng. Trong thế giới thơ ông, thiên nhiên không chỉ là chất liệu tạo hình mà còn là “người bạn đồng hành” thân thiết của tâm hồn - nơi cất giữ ký ức, nâng đỡ con người trong hành trình sống và gợi mở những suy ngẫm đầy nhân văn. Những cánh rừng, rặng tre, bãi ngô, giọt sương, ánh nắng, mây trời,... trong thơ ông hiện lên rất đời thường, nhưng lại chất chứa bao tầng nghĩa - như một miền quê tinh thần không bao giờ phai nhạt. Nhà thơ - Nhà giáo Lương Minh Cừ không tìm kiếm sự cách tân hình thức hay bút phá ngôn ngữ, mà lặng lẽ theo đuổi một dòng thơ mộc mạc, chân thành và đầy ám ảnh. Chính sự hòa quyện giữa thiên nhiên, ký ức và triết lý sống đã làm nên sức nặng thẩm mỹ riêng biệt trong thơ ông - một vẻ đẹp thâm lặng mà bền bỉ, như chính nụ tầm xuân nhỏ bé vẫn âm thầm đơm hoa giữa đất trời rộng lớn. Thế nên, Nụ tầm xuân không chỉ là một tập thơ, mà còn là lời tự sự dịu dàng và sâu sắc của một tâm hồn thơ từng dần thân, nếm trải và gắn bó máu thịt với quê hương, đất nước và con người Việt Nam./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bằng, N.H.- Bích, L.N. *Chân dung thơ Lương Minh Cừ*, NXB Hội nhà văn, 2025.
Cừ, L.M., *Nụ Tầm Xuân*, NXB Hội nhà văn, 2015.
Đạt, H., *Ngôn ngữ thơ Việt Nam*, NXB Giáo dục, 1996
Sử, T.Đ. *Lý luận và phê bình Văn học*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2023.

